

BỘ NỘI VỤ
TRUNG TÂM LAO ĐỘNG
NGOÀI NƯỚC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 137/TTLDNN-TCLĐ

V/v thông báo danh sách người lao động
dự án Công nghiệp gốc tham gia giáo dục
định hướng khóa K11-SN07/2025

Hà Nội, ngày 10 tháng 4 năm 2025

Kính gửi: Sở Nội vụ

Trung tâm Lao động ngoài nước trân trọng thông báo đến quý Sở danh sách người lao động thuộc địa phương tham gia dự án thí điểm tuyển chọn lao động sang làm việc tại Hàn Quốc trong ngành Công nghiệp gốc năm 2024 đến nay đã được các doanh nghiệp Hàn Quốc lựa chọn, được bố trí tham gia giáo dục định hướng khóa K11-SN07/2025 (*danh sách kèm theo*). Để kịp thời hướng dẫn người lao động thực hiện các thủ tục cần thiết, Trung tâm Lao động ngoài nước trân trọng đề nghị quý Sở phối hợp thực hiện những nội dung sau:

1. Thông báo người lao động thực hiện nghĩa vụ tài chính:

- Đề nghị quý Sở thông báo người lao động nộp chi phí phái cử bằng khoản tiền Việt Nam tương đương với 630 USD và chi phí hành chính xin cấp visa 390.000 đồng để xác nhận nguyện vọng thực hiện hợp đồng lao động đã ký với doanh nghiệp Hàn Quốc.

- Chuẩn bị khoản tiền 100 triệu đồng để ký quỹ sau khi kết thúc khóa giáo dục định hướng.

- Các khoản tiền sau đây để nộp **khi đến tập trung** tham dự khóa giáo dục định hướng:

+ Tiền khám sức khỏe: 485.000 đối với nam và 515.000 đồng đối với nữ để nộp cho bệnh viện (bao gồm: chi phí khám sức khỏe 365.000 đồng đối với nam, 395.000 đồng đối với nữ; chi phí xét nghiệm lao phổi để xin visa: 70.000 đồng/người; khám tổng quát sàng lọc lao phổi: 50.000 đồng/người);

+ Chi phí tiền ký túc xá, tiền ăn nộp trực tiếp cho đơn vị cung cấp dịch vụ.

2. Thông báo kế hoạch giáo dục định hướng

Đề nghị quý Sở thông báo tới người lao động đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính về kế hoạch giáo dục định hướng như sau:

2.1. Địa điểm, thời gian tập trung và tổ chức đào tạo

- Thời gian đào tạo: từ ngày 15/04 đến ngày 22/04/2025;

- Thời gian làm thủ tục nhập học: 14h00 Thứ 2 ngày 14/04/2025;

- Địa điểm đào tạo: Cơ sở đào tạo của Trung tâm Lao động ngoài nước (nằm trong khuôn viên Trung tâm dạy nghề và đào tạo lao động Sona, địa chỉ: thôn Do Hạ, xã Tiền Phong, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội).

2.2. Người lao động cần chuẩn bị:

- Hồ sơ xin cấp visa

+ In, điền đầy đủ thông tin và mang theo các giấy tờ xin visa (theo mẫu tại website www.colab.gov.vn mục tải biểu mẫu), **Phiếu lý lịch tư pháp số 2** (01 bản gốc có chữ ký của cán bộ tư pháp, không sử dụng bản có chữ ký điện tử) và hộ chiếu còn hiệu lực trên 1 năm để nộp cho Trung tâm Lao động ngoài nước làm thủ tục xin cấp visa. Trường hợp phiếu lý lịch tư pháp được cấp sau ngày tập trung, người lao động vẫn đến tập trung theo kế hoạch và chuyển phát phiếu lý lịch tư pháp đến địa điểm nơi người lao động tham dự khóa đào tạo, **muộn nhất vào ngày kết thúc khóa học, người lao động phải nộp Phiếu lý lịch tư pháp cho Trung tâm lao động ngoài nước.**

Lưu ý: Bộ hồ sơ xin cấp visa bao gồm (1) Tờ khai xin cấp visa, (2) Giấy xác nhận tình trạng sức khỏe, (3) 01 bản photo 2 mặt của CMND/CCCD (4) bản photo trang 2,3 của hộ chiếu, (5) Phiếu lý lịch tư pháp, (6) Hộ chiếu. Người lao động phải đọc kỹ hướng dẫn, điền đầy đủ, chính xác thông tin và sắp xếp hồ sơ theo thứ tự nêu trên. Việc nộp thiếu giấy tờ, kê khai thông tin không chính xác sẽ dẫn đến tiến độ xuất cảnh của người lao động bị chậm hoặc không thể xuất cảnh sang Hàn Quốc làm việc.

+ Chuẩn bị **04 ảnh chân dung** có quy cách như sau: phong màu trắng, mặc áo khác màu với màu phong, không qua chỉnh sửa, kích thước 3.5cm x 4.5cm;

+ Chuẩn bị 01 bản photo 02 mặt của CMND/CCCD;

+ Chuẩn bị trang phục để lên lớp hàng ngày: quần âu, áo sơ mi trắng, giày hoặc dép quai hậu.

3. Một số công việc khác

Đối với những lao động thuộc danh sách này đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính, đề nghị quý Sở giữ lại số tiền Việt Nam đồng tương đương với 30USD để trang trải các chi phí hành chính; chuyển số tiền còn lại tương đương 600USD (theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam tại thời điểm chuyển tiền) và khoản chi phí hành chính xin cấp visa về Trung tâm Lao động ngoài nước chậm nhất ngày **16/04/2025** theo tài khoản sau:

+ Tên tài khoản: Trung tâm Lao động ngoài nước

+ Địa chỉ: Số 1 Trịnh Hoài Đức, Đống Đa, Hà Nội

+ Số tài khoản: 1440201030194

+ Tại: Chi nhánh Bắc Hà Nội-NH Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (*Khi chuyển tiền, đề nghị quý Sở ghi rõ tên địa phương, số tiền và nội dung chuyển tiền*).

- Đề nghị quý Sở thông báo bằng văn bản cho Trung tâm lao động ngoài nước: danh sách người lao động hoàn thành nghĩa vụ tài chính và tham gia khóa

học; danh sách những người lao động không đến làm thủ tục và không còn nguyện vọng đi làm việc tại Hàn Quốc; danh sách kèm theo Đơn của người lao động xin tiếp tục tham gia giáo dục định hướng (mẫu kèm theo); danh sách người lao động thuộc đối tượng vay vốn ký quỹ để Trung tâm tổng hợp, triển khai các thủ tục tiếp theo.

Lưu ý: Người lao động không tham gia giáo dục định hướng theo kế hoạch được thông báo hoặc nộp **Phiếu lý lịch tư pháp miễn** dẫn đến nộp hồ sơ xin cấp visa chậm có thể bị doanh nghiệp Hàn Quốc hủy hợp đồng lao động và bị dừng tham gia Chương trình EPS trong thời gian 01 năm.

Trung tâm Lao động ngoài nước trân trọng cảm ơn sự phối hợp của quý
Sở./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo TT;
- P.TCKT, P.ĐT (để t/h);
- P.QLHTLĐ (để nhắn tin);
- Lưu: VT, TCLĐ.



Đặng Huy Hồng

DANH SÁCH LAO ĐỘNG
THAM GIA GIÁO DỤC ĐỊNH HƯỚNG KHÓA K11-SN07/2025

(Kèm theo Công văn số /TTLĐNN-TCLĐ ngày 10/4/2025 của Trung tâm Lao động ngoài nước)

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Đơn vị	Mã số HV
1	50304351	Hoàng Thị Chín	28/05/1990	Nữ	Bắc Kạn	K11SN07-01
2	50370223	Triệu Văn Thịnh	20/07/1993	Nam	Bắc Kạn	K11SN07-02
3	50371060	Bế Đình Cường	06/04/1984	Nam	Bắc Kạn	K11SN07-03
4	51121951	Nguyễn Phương Duy	10/07/2000	Nữ	Cà Mau	K11SN07-04
5	50332522	Trần Minh Thiện	19/04/1996	Nam	Đà Nẵng	K11SN07-05
6	50335915	Nguyễn Hữu Thi	18/10/1989	Nam	Đắk Lắk	K11SN07-06
7	50336036	Trần Minh Thuận	13/11/2005	Nam	Đắk Lắk	K11SN07-07
8	50336168	Tăng Văn Trường	12/03/2003	Nam	Đắk Lắk	K11SN07-08
9	51120473	Sùng A Súa	05/02/2004	Nam	Điện Biên	K11SN07-09
10	50335718	Nguyễn Đăng Hoàng	11/08/1999	Nam	Gia Lai	K11SN07-10
11	50372387	Chu Thị Quyến	10/09/1984	Nữ	Gia Lai	K11SN07-11
12	50370059	Phạm Văn Đồng	26/12/1991	Nam	Hà Giang	K11SN07-12
13	50500169	Kiều Thị Thảo	10/09/1999	Nữ	Hà Nội	K11SN07-13
14	50333682	Nguyễn Hồng Sơn	27/04/1996	Nam	Hà Tĩnh	K11SN07-14
15	50354231	Mai Văn Hoàng	01/06/1993	Nam	Hà Tĩnh	K11SN07-15
16	50354277	Trần Xuân Hoàng	14/11/1993	Nam	Hà Tĩnh	K11SN07-16
17	50354390	Trần Văn Thành	18/08/1998	Nam	Hà Tĩnh	K11SN07-17
18	50354405	Phan Tổ Hiền	02/04/1993	Nam	Hà Tĩnh	K11SN07-18
19	50354441	Bùi Đức Khang	09/09/1996	Nam	Hà Tĩnh	K11SN07-19
20	50354452	Nguyễn Văn Hoàng	01/10/1994	Nam	Hà Tĩnh	K11SN07-20
21	50354606	Nguyễn Tiến Vũ	23/05/1996	Nam	Hà Tĩnh	K11SN07-21
22	50354681	Nguyễn Hoàn Vũ	04/06/2002	Nam	Hà Tĩnh	K11SN07-22
23	50354788	Đặng Hoàng Trung	18/10/1994	Nam	Hà Tĩnh	K11SN07-23
24	50354807	Phan Xuân Toàn	06/06/1990	Nam	Hà Tĩnh	K11SN07-24
25	50354960	Lê Văn Bình	17/05/1992	Nam	Hà Tĩnh	K11SN07-25
26	50355005	Đặng Quốc Dũng	03/08/1997	Nam	Hà Tĩnh	K11SN07-26
27	50355263	Võ Công Lâm	22/07/1993	Nam	Hà Tĩnh	K11SN07-27
28	50371873	Lê Thị Hương	26/02/1994	Nữ	Hà Tĩnh	K11SN07-28
29	50371889	Trần Văn Phong	09/05/2005	Nam	Hà Tĩnh	K11SN07-29
30	50371891	Nguyễn Thị Tú Oanh	22/05/2004	Nữ	Hà Tĩnh	K11SN07-30
31	50371909	Nguyễn Thị Hiếu	14/07/1997	Nữ	Hà Tĩnh	K11SN07-31
32	50302635	Bùi Đoan Toàn	15/08/2002	Nam	Hải Dương	K11SN07-32
33	50302967	Nguyễn Xuân Trường	25/10/1989	Nam	Hải Dương	K11SN07-33
34	50301634	Phạm Tiến Tập	25/03/1992	Nam	Hải Phòng	K11SN07-34
35	50301673	Nguyễn Anh Đôn	04/03/1996	Nam	Hải Phòng	K11SN07-35
36	50301738	Vũ Việt Hùng	25/10/1999	Nam	Hải Phòng	K11SN07-36
37	50301785	Trần Tiến Dũng	08/12/2000	Nam	Hải Phòng	K11SN07-37
38	50301875	Trần Văn Dương	30/08/1996	Nam	Hải Phòng	K11SN07-38

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Đơn vị	Mã số HV
39	50301953	Vũ Lã Thành Thi	15/10/2002	Nam	Hải Phòng	K11SN07-39
40	50372822	Lê Liên Anh	03/05/2001	Nữ	Hậu Giang	K11SN07-40
41	50309724	Lý Văn Đức	05/11/2002	Nam	Hoà Bình	K11SN07-41
42	50338986	Phạm Hữu Bình	28/05/1996	Nam	Kiên Giang	K11SN07-42
43	50372306	Nguyễn Thanh Thắm	20/09/2003	Nam	Kiên Giang	K11SN07-43
44	50372804	Trần Thị Thùy Trang	20/05/1995	Nữ	Kiên Giang	K11SN07-44
45	50304562	Nông Văn Tình	24/08/1988	Nam	Lạng Sơn	K11SN07-45
46	50304580	Lê Thị Oanh	08/05/1998	Nữ	Lạng Sơn	K11SN07-46
47	50304666	Hoàng Thị Diệp Linh	02/04/2000	Nữ	Lạng Sơn	K11SN07-47
48	50304744	Triệu Thị Linh	19/09/1997	Nữ	Lạng Sơn	K11SN07-48
49	50304779	Nguyễn Thị Ánh	27/11/1992	Nữ	Lạng Sơn	K11SN07-49
50	50304886	Hoàng Thị Ngọc	10/10/2004	Nữ	Lạng Sơn	K11SN07-50
51	50313108	Hoàng Thị Sen	15/02/2001	Nữ	Lạng Sơn	K11SN07-51
52	50313109	Hoàng Thị Hào	06/10/1999	Nữ	Lạng Sơn	K11SN07-52
53	50313111	Hoàng Bích Ly	28/09/2004	Nữ	Lạng Sơn	K11SN07-53
54	50313121	Lâm Thị Mai	28/10/1998	Nữ	Lạng Sơn	K11SN07-54
55	50313155	Hoàng Thị Hoa	10/11/2000	Nữ	Lạng Sơn	K11SN07-55
56	50304251	Chào Láo Ú	16/08/2002	Nam	Lào Cai	K11SN07-56
57	50370183	Ma Seo Lương	20/10/1997	Nam	Lào Cai	K11SN07-57
58	50370196	Lý Chàn Siu	28/06/1995	Nam	Lào Cai	K11SN07-58
59	50508247	Trần Thị Thủy	30/07/1995	Nữ	Nam Định	K11SN07-59
60	50310192	Trần Xuân Thu	15/03/1993	Nam	Nam Định	K11SN07-60
61	50310517	Hoàng Đức Long	29/10/1995	Nam	Nam Định	K11SN07-61
62	50310549	Trần Văn Quang	31/10/2001	Nam	Nam Định	K11SN07-62
63	50310938	Nguyễn Thị Thắm	05/03/1997	Nữ	Nam Định	K11SN07-63
64	50311853	Bùi Thế Dũng	09/10/1996	Nam	Ninh Bình	K11SN07-64
65	50312192	Vũ Văn Hiệp	24/09/1996	Nam	Ninh Bình	K11SN07-65
66	50312807	Đinh Hoàng Anh	01/04/1990	Nam	Ninh Bình	K11SN07-66
67	50312858	Nguyễn Văn Trường	13/02/1997	Nam	Ninh Bình	K11SN07-67
68	50350938	Phan Thế Anh	03/01/2005	Nam	Ninh Bình	K11SN07-68
69	50350963	Trần Quốc Vương	16/10/2005	Nam	Ninh Bình	K11SN07-69
70	50350972	Phạm Văn Diệp Huy	22/10/1997	Nam	Ninh Bình	K11SN07-70
71	51107450	Đặng Nhật Lệ	19/04/2004	Nữ	Nghệ An	K11SN07-71
72	50514791	Trần Đình Hoàn	26/09/1988	Nam	Nghệ An	K11SN07-72
73	51036028	Chu Ngọc Tuấn Anh	01/06/1998	Nam	Nghệ An	K11SN07-73
74	50323767	Phan Anh Khoáng	07/10/2002	Nam	Nghệ An	K11SN07-74
75	50353299	Nguyễn Phúc Sáng	22/12/1993	Nam	Nghệ An	K11SN07-75
76	50353471	Đậu Đức Ngọc	11/08/1994	Nam	Nghệ An	K11SN07-76
77	50353547	Hồ Xuân Quyết	01/10/1996	Nam	Nghệ An	K11SN07-77
78	50353675	Nguyễn Xuân Khang	07/11/2003	Nam	Nghệ An	K11SN07-78
79	50353784	Nguyễn Văn Dũng	10/06/1998	Nam	Nghệ An	K11SN07-79

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Đơn vị	Mã số HV
80	50353835	Lê Văn Nhật	02/02/2001	Nam	Nghệ An	K11SN07-80
81	50353896	Hồ Đức Lực	04/02/1993	Nam	Nghệ An	K11SN07-81
82	50371794	Lang Thị Mỹ Hạnh	03/02/2001	Nữ	Nghệ An	K11SN07-82
83	50373066	Nguyễn Ngọc Lương	15/05/2005	Nam	Nghệ An	K11SN07-83
84	50305753	Lê Hoàng Anh	12/06/2003	Nam	Phú Thọ	K11SN07-84
85	50305813	Cao Thành Dương	02/12/2000	Nam	Phú Thọ	K11SN07-85
86	50330201	Nguyễn Văn Đông	15/03/1998	Nam	Quảng Bình	K11SN07-86
87	50330387	Nguyễn Văn Tuấn	05/05/1997	Nam	Quảng Bình	K11SN07-87
88	50330572	Trần Văn Phúc	22/09/1994	Nam	Quảng Bình	K11SN07-88
89	50330615	Mai Văn Tài	10/10/1990	Nam	Quảng Bình	K11SN07-89
90	50356316	Nguyễn Công Hoài	07/09/2003	Nam	Quảng Bình	K11SN07-90
91	50356384	Phạm Văn Thắng	14/07/1999	Nam	Quảng Bình	K11SN07-91
92	50371951	Lê Thị Loan	03/02/1996	Nữ	Quảng Bình	K11SN07-92
93	50371956	Nguyễn Văn Đăng	20/04/1999	Nam	Quảng Bình	K11SN07-93
94	50309029	Lăng Quốc Đạt	17/04/1994	Nam	Quảng Ninh	K11SN07-94
95	50309186	Vũ Nhật Nam	26/10/2002	Nam	Quảng Ninh	K11SN07-95
96	50358493	Nguyễn Văn Danh	05/05/1990	Nam	Quảng Ngãi	K11SN07-96
97	50331651	Nguyễn Viết Hải	14/11/1995	Nam	Quảng Trị	K11SN07-97
98	50331704	Nguyễn Duy Luân	12/11/1996	Nam	Quảng Trị	K11SN07-98
99	50331876	Lê Anh Mỹ	06/02/1995	Nam	Quảng Trị	K11SN07-99
100	50357431	Nguyễn Mạnh Hùng	24/07/1994	Nam	Quảng Trị	K11SN07-100
101	50309568	Bùi Thị Vân	20/07/2004	Nữ	Sơn La	K11SN07-101
102	50304924	Trịnh Thị Tươi	05/10/1988	Nữ	Tuyên Quang	K11SN07-102
103	50304995	Triệu Đức Mạnh	01/06/2003	Nam	Tuyên Quang	K11SN07-103
104	50304997	Đặng Anh Tuấn	19/04/2003	Nam	Tuyên Quang	K11SN07-104
105	50305041	Đặng Thuý Hằng	01/09/2005	Nữ	Tuyên Quang	K11SN07-105
106	50305042	Nguyễn Thị Hoài	04/09/1996	Nữ	Tuyên Quang	K11SN07-106
107	50305085	Phạm Thị Sinh	17/10/2001	Nữ	Tuyên Quang	K11SN07-107
108	50305097	Lê Thị Trúc Sinh	11/06/2003	Nữ	Tuyên Quang	K11SN07-108
109	50305110	Vì Hữu Thiên	08/06/2005	Nam	Tuyên Quang	K11SN07-109
110	50370312	Lý Văn Kiên	15/04/2005	Nam	Tuyên Quang	K11SN07-110
111	50311174	Nguyễn Văn Tuấn	08/01/2002	Nam	Thái Bình	K11SN07-111
112	50311216	Tạ Văn Minh	07/10/1993	Nam	Thái Bình	K11SN07-112
113	50311255	Phạm Trường Sơn	30/08/1996	Nam	Thái Bình	K11SN07-113
114	50311345	Đỗ Văn Hoàng	25/07/1998	Nam	Thái Bình	K11SN07-114
115	50311590	Bùi Văn Phương	08/02/1997	Nam	Thái Bình	K11SN07-115
116	50350761	Trương Tấn Sang	03/04/1995	Nam	Thái Bình	K11SN07-116
117	50305449	Nguyễn Thành Văn	06/11/2003	Nam	Thái Nguyên	K11SN07-117
118	50305628	Triệu Thế Ngọc	01/08/2005	Nam	Thái Nguyên	K11SN07-118
119	50305648	Trần Văn Tài	21/07/2005	Nam	Thái Nguyên	K11SN07-119
120	50305673	Nông Thị Phương Thảo	30/10/2002	Nữ	Thái Nguyên	K11SN07-120

NỘI
LUNG TÍ
LAO ĐỘNG
NGOÀI NƯỚC
★

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Đơn vị	Mã số HV
121	50305700	Nông Văn Chiến	17/04/2001	Nam	Thái Nguyên	K11SN07-121
122	50313031	Nguyễn Mạnh Tuyển	19/08/2005	Nam	Thái Nguyên	K11SN07-122
123	50305579	Hà Thanh Tâm	02/06/1999	Nữ	Thanh Hóa	K11SN07-123
124	90801937	Vi Thị Nhung	15/11/1991	Nữ	Thanh Hóa	K11SN07-124
125	50533248	Phạm Hữu Thắng	21/01/2004	Nam	Thanh Hóa	K11SN07-125
126	50533364	Đinh Thị Tâm	29/11/2001	Nữ	Thanh Hóa	K11SN07-126
127	50318568	Nguyễn Khang Cường	08/12/1990	Nam	Thanh Hóa	K11SN07-127
128	50351919	Phạm Văn Tài	25/03/2000	Nam	Thanh Hóa	K11SN07-128
129	50351952	Nguyễn Văn Ba	20/03/2001	Nam	Thanh Hóa	K11SN07-129
130	50352215	Đặng Văn Tiến	29/03/1993	Nam	Thanh Hóa	K11SN07-130
131	50352262	Lê Văn Sơn	24/04/1996	Nam	Thanh Hóa	K11SN07-131
132	50352331	Lê Đình Thiện	25/11/1995	Nam	Thanh Hóa	K11SN07-132
133	50352565	Hoàng Thăng Long	07/07/2000	Nam	Thanh Hóa	K11SN07-133
134	50352586	Trần Văn Tiến	14/06/2000	Nam	Thanh Hóa	K11SN07-134
135	50352599	Đỗ Xuân Tiến	21/10/2003	Nam	Thanh Hóa	K11SN07-135
136	50352608	Chu Đình Hùng	21/05/1998	Nam	Thanh Hóa	K11SN07-136
137	50352634	Lê Văn Mạnh	07/09/2002	Nam	Thanh Hóa	K11SN07-137
138	50352793	Hoàng Anh Thắng	26/11/2004	Nam	Thanh Hóa	K11SN07-138
139	50352823	Phạm Gia Côn	10/09/1994	Nam	Thanh Hóa	K11SN07-139
140	50352838	Phạm Văn Huy	08/12/2001	Nam	Thanh Hóa	K11SN07-140
141	50352962	Trương Văn Tiến	08/03/2001	Nam	Thanh Hóa	K11SN07-141
142	50371123	Lê Thị Thương	27/11/1999	Nữ	Thanh Hóa	K11SN07-142
143	50371238	Lò Thị Tuyết	24/06/1998	Nữ	Thanh Hóa	K11SN07-143
144	50371376	Lê Thị Phương	02/09/1990	Nữ	Thanh Hóa	K11SN07-144
145	50371411	Lương Văn Hào	06/03/1999	Nam	Thanh Hóa	K11SN07-145
146	50371503	Hơ Văn Cú	05/05/1998	Nam	Thanh Hóa	K11SN07-146
147	50371550	Vi Văn Huấn	15/02/2003	Nam	Thanh Hóa	K11SN07-147
148	50373942	Lê Thị Hồng Hạnh	20/04/1998	Nữ	Thanh Hóa	K11SN07-148
149	50520825	Huỳnh Minh Khoa	14/10/1989	Nam	Thừa Thiên Huế	K11SN07-149
150	50332305	Lê Văn Thịnh	11/08/1996	Nam	Thừa Thiên Huế	K11SN07-150
151	50339519	Lưu Minh Nhật	18/09/2002	Nam	Trà Vinh	K11SN07-151
152	50338337	Phạm Hoàng Phúc	25/07/2001	Nam	Vĩnh Long	K11SN07-152
153	50306654	Lương Ngọc Hòa	10/08/2005	Nam	Vĩnh Phúc	K11SN07-153
154	50306777	Bùi Hoàng Phát Nhật	09/04/2005	Nam	Vĩnh Phúc	K11SN07-154
155	50305266	Hoàng Thị Phụng	15/01/1997	Nữ	Yên Bái	K11SN07-155
156	50305288	Nguyễn Thị Như Quỳnh	02/09/2004	Nữ	Yên Bái	K11SN07-156
157	50305312	Trần Thị Bích Đào	13/11/2004	Nữ	Yên Bái	K11SN07-157
158	59090053	Nguyễn Phương Nam	20/06/2002	Nam	Hà Tĩnh	K11SN07-158
159	59090243	Lê Văn Phong	27/03/2002	Nam	Hà Tĩnh	K11SN07-159
160	59091061	Lê Quang Linh	02/11/1998	Nam	Hải Dương	K11SN07-160
161	59090041	Ngô Văn Cẩn	06/06/2001	Nam	Nghệ An	K11SN07-161

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Đơn vị	Mã số HV
162	59090145	Phan Trung Hiếu	08/06/1999	Nam	Nghệ An	K11SN07-162
163	59091006	Nguyễn Trọng Minh	27/12/2004	Nam	Nghệ An	K11SN07-163
164	59091037	Nguyễn Văn Đường	12/06/1995	Nam	Nghệ An	K11SN07-164
165	59091038	Đậu Đức Hào	04/12/2005	Nam	Nghệ An	K11SN07-165
166	59092017	Hoàng Đình Toàn	11/11/2005	Nam	Nghệ An	K11SN07-166



